

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213180042	Trần Thị Ngọc Ánh	18/12/1998	02KT14B1	8.7	Đạt
2	2213240090	Trần Bảo Châu	07/05/1996	02KT14B1	8.9	Đạt
3	2213240168	Nguyễn Trí Đạt	08/10/1995	02KT14B1	9.9	Đạt
4	2213240099	Lê Thị Hương Giang	18/07/1999	02KT14B1	8.6	Đạt
5	2213360164	Đỗ Nguyễn Thùy Nga	22/07/2000	02KT14D1	7.8	Đạt
6	2213240029	Phạm Thị Kim Ngân	01/03/1996	02KT14B1	8.1	Đạt
7	2213240030	Nguyễn Thị Thủy Ngân	27/11/1999	02KT14B1	9.3	Đạt
8	2213240060	Nguyễn Hoàng Khánh Nhi	27/03/2001	02KT14B1	7.1	Đạt
9	2213360087	Nguyễn Thị Huỳnh Như	31/03/2002	02KT14D1	5.9	Đạt
10	2203360311	Lê Thị Kim Quỳnh	29/09/1996	02KT14D1	8.3	Đạt
11	2213240066	Nguyễn Hoàng Thịnh	25/11/1992	02KT14B1	2.9	Thi lại
12	2213240067	Trần Cao Thức	23/02/1997	02KT14B1	7.0	Đạt
13	2213360031	Lê Trần Nguyễn Mộng Hoài	26/10/1998	02KT14D1	3.1	Thi lại
14	2213240054	Đới Thị Huyền Thương	29/09/2000	02KT14B1	2.9	Thi lại
15	2213360285	Trần Trung Tín	18/06/1998	02KT14D1	8.7	Đạt
16	2213240072	Trương Huỳnh Ngọc Trâm	06/11/1999	02KT14B1	2.8	Thi lại
17	2213180002	Trương Nữ Bảo Trân	30/04/1995	02KT14B1	0.0	Học lại
18	2213360376	Võ Minh Trí	22/08/1999	02KT14D1	2.7	Thi lại
19	2213240200	Nguyễn Quốc Trung	14/05/1982	02KT14B1	7.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
20	2213360071	Huỳnh Diễm Tuyền	02/07/2001	02KT14D1	3.2	Thi lại
21	2213360023	Tổng Thanh Vy	28/10/1999	02KT14D1	9.1	Đạt
22	2213180014	Nguyễn Tường Vy	11/10/1999	02KT14B1	8.1	Đạt
23	2213180018	Nguyễn Thị Yên	10/10/1993	02KT14B1	8.9	Đạt
24	2213240101	Lê Thiện Nhân	27/06/1995	02KT14B1	7.9	Đạt
25	2203240168	Nguyễn Thị Thanh Vân	07/02/1989	02KT14B1	2.7	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213180042	Trần Thị Ngọc Ánh	18/12/1998	02KT14B1	7.5	Đạt
2	2213240090	Trần Bảo Châu	07/05/1996	02KT14B1	9.6	Đạt
3	2213240168	Nguyễn Trí Đạt	08/10/1995	02KT14B1	9.6	Đạt
4	2213240099	Lê Thị Hương Giang	18/07/1999	02KT14B1	7.4	Đạt
5	2213180043	Nguyễn Thị Hương Giang	22/04/1992	02KT14B1	0.0	Học lại
6	2213240021	Đặng Hiếu Liêm	04/12/1985	02KT14B1	0.0	Học lại
7	2213360164	Đỗ Nguyễn Thùy Nga	22/07/2000	02KT14D1	7.5	Đạt
8	2213240029	Phạm Thị Kim Ngân	01/03/1996	02KT14B1	7.7	Đạt
9	2213240030	Nguyễn Thị Thùy Ngân	27/11/1999	02KT14B1	7.7	Đạt
10	2213240060	Nguyễn Hoàng Khánh Nhi	27/03/2001	02KT14B1	3.1	Thi lại
11	2213360087	Nguyễn Thị Huỳnh Như	31/03/2002	02KT14D1	6.6	Đạt
12	2213360359	Dương Thu Phương	05/03/2003	02KT14D1	0.0	Học lại
13	2203360311	Lê Thị Kim Quỳnh	29/09/1996	02KT14D1	7.2	Đạt
15	2213240066	Nguyễn Hoàng Thịnh	25/11/1992	02KT14B1	0.0	Học lại
16	2213240067	Trần Cao Thức	23/02/1997	02KT14B1	3.5	Thi lại
17	2213360031	Lê Trần Nguyễn Mộng IThương	26/10/1998	02KT14D1	0.0	Học lại
18	2213240054	Đôi Thị Huyền Thương	29/09/2000	02KT14B1	0.0	Học lại
19	2213360285	Trần Trung Tín	18/06/1998	02KT14D1	7.0	Đạt
20	2213240072	Trương Huỳnh Ngọc Trâm	06/11/1999	02KT14B1	0.0	Học lại
21	2213180002	Trương Nữ Bảo Trân	30/04/1995	02KT14B1	0.0	Học lại
22	2213360376	Võ Minh Trí	22/08/1999	02KT14D1	0.0	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
						TB Môn	KQ1
23	2213240200	Nguyễn Quốc	Trung	14/05/1982	02KT14B1	8.2	Đạt
24	2213360071	Huỳnh Diễm	Tuyền	02/07/2001	02KT14D1	0.0	Học lại
25	2213240096	Phạm Thúy	Vi	14/11/1993	02KT14B1	0.0	Học lại
26	2213360023	Tổng Thanh	Vy	28/10/1999	02KT14D1	8.0	Đạt
27	2213180014	Nguyễn Tường	Vy	11/10/1999	02KT14B1	8.5	Đạt
28	2213180018	Nguyễn Thị	Yên	10/10/1993	02KT14B1	9.3	Đạt
29	2213240101	Lê Thiện	Nhân	27/06/1995	02KT14B1	8.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213180042	Trần Thị Ngọc Ánh	18/12/1998	02KT14B1	8.6	Đạt
2	2213240090	Trần Bảo Châu	07/05/1996	02KT14B1	8.4	Đạt
3	2213240168	Nguyễn Trí Đạt	08/10/1995	02KT14B1	9.7	Đạt
4	2213240099	Lê Thị Hương Giang	18/07/1999	02KT14B1	7.7	Đạt
5	2213360164	Đỗ Nguyễn Thùy Nga	22/07/2000	02KT14D1	9.1	Đạt
6	2213240029	Phạm Thị Kim Ngân	01/03/1996	02KT14B1	8.5	Đạt
7	2213240030	Nguyễn Thị Thủy Ngân	27/11/1999	02KT14B1	8.9	Đạt
8	2213240060	Nguyễn Hoàng Khánh Nhi	27/03/2001	02KT14B1	6.5	Đạt
9	2213360087	Nguyễn Thị Huỳnh Như	31/03/2002	02KT14D1	7.6	Đạt
10	2203360311	Lê Thị Kim Quỳnh	29/09/1996	02KT14D1	2.0	Thi lại
11	2213240066	Nguyễn Hoàng Thịnh	25/11/1992	02KT14B1	0.0	Học lại
12	2213240067	Trần Cao Thức	23/02/1997	02KT14B1	6.7	Đạt
13	2213360031	Lê Trần Nguyễn Mộng Hoài	26/10/1998	02KT14D1	0.0	Học lại
14	2213240054	Đôi Thị Huyền Thương	29/09/2000	02KT14B1	0.0	Học lại
15	2213360285	Trần Trung Tín	18/06/1998	02KT14D1	5.6	Đạt
16	2213240072	Trương Huỳnh Ngọc Trâm	06/11/1999	02KT14B1	0.0	Học lại
17	2213180002	Trương Nữ Bảo Trân	30/04/1995	02KT14B1	0.0	Học lại
18	2213360376	Võ Minh Trí	22/08/1999	02KT14D1	0.0	Học lại
19	2213240200	Nguyễn Quốc Trung	14/05/1982	02KT14B1	6.7	Đạt
20	2213360071	Huỳnh Diễm Tuyền	02/07/2001	02KT14D1	0.0	Học lại

PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
21	2213360023	Tổng Thanh Vy	28/10/1999	02KT14D1	9.7	Đạt
22	2213180014	Nguyễn Tường Vy	11/10/1999	02KT14B1	7.1	Đạt
23	2213180018	Nguyễn Thị Yên	10/10/1993	02KT14B1	7.3	Đạt
24	2213240101	Lê Thiện Nhân	27/06/1995	02KT14B1	7.1	Đạt
25	2203240168	Nguyễn Thị Thanh Vân	07/02/1989	02KT13B1	0.0	Học lại
26	2203360007	Huỳnh Đức Minh	27/06/1997	02MK13D1	8.6	Đạt
27	2203360291	Nguyễn Thị Bích Tuyền	19/11/2000	02KT13D1	7.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213180042	Trần Thị Ngọc Ánh	18/12/1998	02KT14B1	10.0	Đạt
2	2213240090	Trần Bảo Châu	07/05/1996	02KT14B1	8.9	Đạt
3	2213240168	Nguyễn Trí Đạt	08/10/1995	02KT14B1	10.0	Đạt
4	2213240099	Lê Thị Hương Giang	18/07/1999	02KT14B1	8.1	Đạt
5	2213360164	Đỗ Nguyễn Thùy Nga	22/07/2000	02KT14D1	9.2	Đạt
6	2213240029	Phạm Thị Kim Ngân	01/03/1996	02KT14B1	8.7	Đạt
7	2213240030	Nguyễn Thị Thủy Ngân	27/11/1999	02KT14B1	9.2	Đạt
8	2213240060	Nguyễn Hoàng Khánh Nhi	27/03/2001	02KT14B1	8.8	Đạt
9	2213360087	Nguyễn Thị Huỳnh Như	31/03/2002	02KT14D1	8.4	Đạt
10	2203360311	Lê Thị Kim Quỳnh	29/09/1996	02KT14D1	8.9	Đạt
11	2213240066	Nguyễn Hoàng Thịnh	25/11/1992	02KT14B1	0.0	Học lại
12	2213240067	Trần Cao Thức	23/02/1997	02KT14B1	7.9	Đạt
13	2213360031	Lê Trần Nguyễn Mộng Hoài	26/10/1998	02KT14D1	0.3	Học lại
14	2213240054	Đới Thị Huyền Thương	29/09/2000	02KT14B1	0.0	Học lại
15	2213360285	Trần Trung Tín	18/06/1998	02KT14D1	8.7	Đạt
16	2213240072	Trương Huỳnh Ngọc Trâm	06/11/1999	02KT14B1	0.0	Học lại
17	2213180002	Trương Nữ Bảo Trân	30/04/1995	02KT14B1	0.0	Học lại
18	2213360376	Võ Minh Trí	22/08/1999	02KT14D1	0.0	Học lại
19	2213240200	Nguyễn Quốc Trung	14/05/1982	02KT14B1	8.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
20	2213360071	Huỳnh Diễm Tuyền	02/07/2001	02KT14D1	0.0	Học lại
21	2213360023	Tổng Thanh Vy	28/10/1999	02KT14D1	10.0	Đạt
22	2213180014	Nguyễn Tường Vy	11/10/1999	02KT14B1	10.0	Đạt
23	2213180018	Nguyễn Thị Yên	10/10/1993	02KT14B1	10.0	Đạt
24	2213240101	Lê Thiện Nhân	27/06/1995	02KT14B1	8.2	Đạt
25	2203240168	Nguyễn Thị Thanh Vân	07/02/1989	02KT13B1	0.0	Học lại